

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các gói thầu: Mua hóa chất, sinh phẩm, dụng cụ, vật tư y tế phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đợt 05 năm 2021 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ về việc mua sắm thuốc, hóa chất vật tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng chống dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch Covid-19;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục trang thiết bị được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu Việt Nam;



Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 5888/BYT-TB-CT ngày 29/10/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT;

Căn cứ Công văn số 4841/BTC-HCSN ngày 12/5/2021 của Bộ Tài chính về việc nguồn kinh phí, cơ chế mua sắm trong điều kiện có dịch bệnh Covid-19;

Căn cứ Công văn số 6144/BKHĐT-QLĐT ngày 13/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện pháp luật đấu thầu và các Nghị quyết của Chính phủ về mua sắm phục vụ phòng, chống dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018;

Căn cứ Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1817/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí phòng, chống dịch bệnh đợt 2 năm 2021;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 712/BC-SYT ngày 22/9/2021 của Sở Y tế về kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua hóa chất, sinh phẩm, dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao xét nghiệm SARS-CoV-2 đợt 5 phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 năm 2021 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tại Tờ trình số 236/TTr-KSBT ngày 27/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các gói thầu: Mua hóa chất, sinh phẩm, dụng cụ, vật tư y tế phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đợt 05 năm 2021 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, cụ thể như sau:

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Mua vật tư y tế phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2	3.583.100.000	Nguồn kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 năm 2021	Chi định thầu (theo quy trình rút gọn)	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 10 năm 2021	Trọn gói	15 ngày
2	Gói thầu số 02: Mua sinh phẩm phục vụ xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2	115.200.000						
3	Gói thầu số 03: Mua hóa chất phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2	3.000.000.000						
4	Gói thầu số 04: Mua dụng cụ phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2	694.870.000						
5	Gói thầu số 5: Mua môi trường vận chuyển mẫu vi rút SARS-CoV-2	1.775.000.000						
6	Gói thầu số 6: Tư vấn lựa chọn nhà thầu	38.007.060						
Tổng giá trị gói thầu:		9.206.177.060	Bằng chữ: Chín tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, một trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm sáu mươi đồng.					

(Chi tiết có phụ lục đính kèm)

Điều 2.

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (chủ đầu tư):

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu có năng lực, uy tín theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt công khai, minh bạch, cạnh tranh, tuân thủ các quy định hiện hành và đảm bảo chất lượng hàng hóa mua sắm.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và pháp lý của nội dung hồ sơ trình phê duyệt tại Tờ trình số 236/TTr-KSĐT ngày 27/9/2021.

2. Sở Y tế chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý của kết quả thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Báo cáo thẩm định số 712/BC-SYT ngày 22/9/2021; hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *mk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng CM của VP;
- Lưu: VT, TTĐT, KGVX (Q).

5

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười
Hồ Văn Mười

5
K
V

Phụ lục I

Gói thầu số 1: Mua vật tư y tế phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đợt 5 năm 2021
(Kèm theo Quyết định số **1654/QĐ-UBND** ngày **06/10/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Danh mục	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (VNĐ)
1	Ethanol (Sử dụng trong tách chiết)	Merck	Đức	2,5lít /chai	Chai	20	1.689.000	33.780.000
2	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit	Invitrogen	Mỹ	500 phản ứng/hộp	Hộp	40	70.500.000	2.820.000.000
	Gen E:							
3	E_Sarbeco_F1; ACAGGTACGTTAATAGTTAATAGCGT	LGC Biosearch	Đan Mạch	200nm/tube	Tube	8	680.000	5.440.000
4	E_Sarbeco_R2; ATATTGCAGCAGTACGCACACA	LGC Biosearch	Đan Mạch	200nm/tube	Tube	8	680.000	5.440.000
5	E_Sarbeco_P1; FAM-ACACTAGCCATCCTTACTGCGCTTCG - BBQ	LGC Biosearch	Đan Mạch	200nm/tube	Tube	10	10.800.000	108.000.000
6	Đầu tip có lọc vô trùng 10ul Filter tip 10ul	Saining (Suzhou) Biotechnology	Trung Quốc	Hộp/96 cái	Hộp	250	180.000	45.000.000
7	Đầu tip có lọc vô trùng 20ul, RNase & Dnase, endotoxin	Labcon	Mỹ	Hộp/96 cái	Hộp	300	180.000	54.000.000
8	Đầu tip có lọc vô trùng 100ul ZAP™Slik™ low retention filter tips 100ul, extra long	Labcon	Mỹ	Hộp/96 cái	Hộp	1.000	180.000	180.000.000
9	Đầu tip có lọc vô trùng 200ul Filter tip 200ul	Saining (Suzhou) Biotechnology	Trung Quốc	Hộp/96 cái	Hộp	1.000	180.000	180.000.000
10	Đầu tip có lọc vô trùng 1000ul Filter tip 1000ul	Saining (Suzhou) Biotechnology	Trung Quốc	Hộp/100 cái	Hộp	600	180.000	108.000.000
11	Rack lạnh PCR Thermal	Labcon	Mỹ	Cái	Cái	3	1.480.000	4.440.000
12	Giấy Parafin PM996 (M 4X125, 10cmx38m)	Bemis	Mỹ	10 cm x 381m	Cuộn	50	780.000	39.000.000
Tổng cộng: 12 khoản								3.583.100.000



Phụ lục II

Gói thầu số 2: Mua sinh phẩm phục vụ xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 đợt 5 năm 2021
(Kèm theo Quyết định số **1654**/QĐ-UBND ngày **06**/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Danh mục	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (VNĐ)
1	AutoXT PGS virus extraction kit; Code: 17168-96	Intronbio	Hàn Quốc	96 test/hộp	Hộp	15	7.680.000	115.200.000
Tổng cộng: 01 khoản								115.200.000



Phụ lục III

Gói thầu số 3: Mua hóa chất phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đợt 5 năm 2021

(Kèm theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 06 /10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (VNĐ)
1	Bộ hóa chất xét nghiệm IVD dùng cho tách hiết Acid nucleic MagMAX™ Viral/Pathogen II (MVP II) Nucleic Acid Isolation Kit	Thermo Scientific	Lithuania	2.000 test/hộp	Hộp	12	250.000.000	3.000.000.000
Tổng cộng: 01 khoản								3.000.000.000



Phụ lục IV

Gói thầu số 4: Mua dụng cụ phục vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đợt 5 năm 2021

(Kèm theo Quyết định số **1654/QĐ-UBND** ngày **06/10/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (VNĐ)
1	2 TaqPath™ 1-Step RT-qPCR Master Mix, CG	Applied Biosystems/Life Technologies/Thermo Fisher Scientific	Mỹ	10 ml/hộp	Tube	5	97.600.000	488.000.000
2	MicroAmp™ Optical 8-Tube Strip, 0.2 mL	Applied Biosystems/Life Technologies/Thermo Fisher Scientific	Trung Quốc	125 Strip/hộp	Hộp	30	4.690.000	140.700.000
3	MicroAmp™ Optical 8-Cap Strips	Thermo Scientific-Applied BioSystem	Trung Quốc	300trip/hộp	Hộp	13	5.090.000	66.170.000
Tổng: 03 khoản								694.870.000

Phụ lục V

Gói thầu số 5: Mua Môi trường vận chuyển mẫu vi rút SARS-CoV-2 đợt 5 năm 2021
(Kèm theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền (VNĐ)
1	Môi trường vận chuyển mẫu (UTM) Thành phần môi trường - DMEM - BSA - HEPES - Cefotacime - Kanamycine Cung cấp gồm: - 01 ống UTM 3ml đựng trong ống 15 ml - 01 que ngoáy dịch tỵ hầu - 01 que tăm bông ngoáy dịch họng	ABT	Việt Nam	3ml/ống	Ống	25.000	38.000	950.000.000
2	Tăm bông lấy mẫu tỵ hầu		Trung Quốc	Cái	Cái	150.000	5.500	825.000.000
Tổng cộng: 02 khoản								1.775.000.000



Phụ lục V

Gói thầu số 6: Tư vấn lựa chọn nhà thầu

(Kèm theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung	Định mức Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Tổng giá trị gói thầu	Thành tiền
I	Gói thầu số 01			10.749.300
1	Chi phí lập HSYC	0.10%	3.583.100.000	3.583.100
2	Chi phí thẩm định HSYC	0.05%	3.583.100.000	1.791.550
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0.10%	3.583.100.000	3.583.100
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0.05%	3.583.100.000	1.791.550
II	Gói thầu số 02			4.400.000
1	Chi phí lập HSYC	Tối thiểu	115.200.000	1.000.000
2	Chi phí thẩm định HSYC	Tối thiểu	115.200.000	1.000.000
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Tối thiểu	115.200.000	1.000.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Tối thiểu	115.200.000	1.000.000
5	Thuế GTGT 10%	10%		400.000
III	Gói thầu số 03			9.000.000
1	Chi phí lập HSYC	0.10%	3.000.000.000	3.000.000
2	Chi phí thẩm định HSYC	0.05%	3.000.000.000	1.500.000
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0.10%	3.000.000.000	3.000.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0.05%	3.000.000.000	1.500.000
IV	Gói thầu số 04			4.400.000
1	Chi phí lập HSYC	Tối thiểu	694.870.000	1.000.000
2	Chi phí thẩm định HSYC	Tối thiểu	694.870.000	1.000.000
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	Tối thiểu	694.870.000	1.000.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Tối thiểu	694.870.000	1.000.000
5	Thuế GTGT 10%	10%		400.000
V	Gói thầu số 05			5.325.000
1	Chi phí lập HSYC	0.10%	1.775.000.000	1.775.000
2	Chi phí thẩm định HSYC	0.05%	1.775.000.000	887.500
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0.10%	1.775.000.000	1.775.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0.05%	1.775.000.000	887.500
Tổng:				38.007.060

Ghi chú: Định mức quy định tại Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP